

Bài 83. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Bánh Xe (tt2) | Sư Giác Nguyên giảng 03/07/2018

38. Kinh Độc Cư

Bản tiếng Việt dịch là Kinh Tránh Né, cái chữ này thì nó cũng chưa có tới lắm, bởi vì cái chữ Paṭilīna nó bằng Paṭisallīna, có nghĩa là độc cư. Cái vấn đề nó nằm ở chỗ đó.

“Paṭilīnoti nilīno ekībhāvaṃ upagato”, trong đây có ghi rõ ràng là: Paṭilīnoti, gọi là paṭilīno, có nghĩa là nilīna, là cái sự mà tị thế; ekībhāvaṃ upagato là đi đâu đó một mình, trạng thái một mình thì mới gọi là paṭilīna. Như vậy nó đồng nghĩa với paṭisallīna.

Cho nên ở đây mình dịch là “Tránh né” thì nghe nó rất là négatif, nghe nó rất là tiêu cực, nghe nó rất là không hay. Trong khi cái tựa kinh ở đây là người ta lấy một cái ý ở trong kinh mới đặt cái tên kinh là Paṭilīna Sutta, mà dịch là “Tránh né” thì nghe nó xấu quá đi, nó xấu hoặc hà. Giống như quý vị tu hành mà lên núi cao rừng thẳm mà mình nói là tránh né thì...

Ở đây chúng ta có cái từ rất là độc đáo đó là, ở đây Đức Phật Ngài dạy là Panunnapaccekasacca.

Chúng ta đang học một bài kinh mà có nội dung đại khái như thế này, tức là thế nào là một vị Tỳ-kheo xứng danh là độc cư. Bởi vì lý tưởng cao nhất của Hiền Thánh ba đời mười phương là một mình. Dầu đó là vị Chánh Đẳng Chánh Giác hay Độc Giác, hay Thinh Văn Giác, miễn là Hiền Thánh trong đời, thì cái lý tưởng cao nhất, rốt ráo nhất vẫn là một mình.

Bởi vì chúng ta vốn dĩ không bao giờ có bất kỳ một sự kết hợp nào với cái nào hết. Tất cả những cái khái niệm, ý niệm như là tri kỷ, chi giao, tri âm gì đó đều là do mình thích thì mình nói, chứ thật ra không có.

Cái lý tưởng cao nhất của Hiền Thánh ba đời là một mình, đó là nói về lý tưởng. Còn bản chất rốt ráo nhất của mỗi chúng sanh trong đời cũng vẫn là một mình. Tuy nhiên không phải cái một mình nào cũng đáng được gọi là Paṭilīna, Paṭisallīna, không phải. Là vì sao? Vì chúng ta là một mình vì trên bản chất không thể nào mà có một cái gì mình gọi là cặp hay là đôi trong đời này hết.

Danh sắc ở mỗi chúng sanh liên tục tiếp nối nhau sanh diệt. Danh sắc ở người này, ở bên phía kia cũng vậy, liên tục sanh diệt, thì tôi xin hỏi chúng ta gắn kết với nhau ở chỗ nào? Cho nên về bản chất rốt ráo của từng chúng ta vốn dĩ là cô đơn, và cái cứu cánh tu học cao nhất, cái lý tưởng rốt ráo nhất của Hiền Thánh ba đời là độc cư.

Bản chất nó đã là một mình, thì tại sao mà cái lý tưởng cao nhất là độc cư, nghe nó rất là mâu thuẫn đúng không? Nhưng mà nó như thế này, nếu chúng ta không có là Hiền Thánh, thì dầu về bản chất chúng ta cô đơn thiệt, nhưng mà chúng ta thích bè đảng, phe nhóm, đảng đùm, thích có bạn, thích có tình cảm, thích có hôn nhân, thích có mái ấm gia đình, thích có cái gọi là khối đoàn kết dân tộc, thích có cái gọi là quê hương đất nước, thích có cái gọi là đồng hương, thích có cái gọi là người cùng châu lục, thích có cái gọi là nam bán cầu, bắc bán cầu.

Chúng ta luôn luôn đi tìm một cái chỗ để gắn cái thân phận lẻ loi của mình vào đó. Trong bao nhiêu kiếp luân hồi chúng ta luôn luôn là vậy. Kể cả những người ra gác hải đăng ngoài hoang đảo xa xôi, hay những tiểu phu sống một mình trên núi cao, hay những ẩn sĩ, hay những đạo sĩ, hay là những người mà tị thế chán đời mà lên trên rừng sâu núi thẳm, ma thiêng nước độc, lam sơn chướng khí để mà ở một đời một mình trên đó, thì thấy vậy đó chứ còn họ vẫn muốn kiếm cái chỗ để họ ráp vô.

Ráp vô chỗ nào? Cô đơn quá lên núi ráp với thú rừng, ráp với cây cối, ráp với trăng thanh gió mát. Rồi ở ngoài hoang đảo chúng ta ráp với ai? Ráp với sóng biển trùng dương, ráp với cái sự quạnh hiu và xem đó là tri kỷ, tri âm. Ráp với những con hải âu, những cánh chim biển, ráp với bờ cát trắng, với những con sóng xanh. Chúng ta

luôn luôn tìm chỗ chúng ta ráp, trong khi về bản chất chúng ta rất là cô đơn. Thế là chúng ta phải kiếm chỗ ráp, gắn mình vào đó.

Nhưng mà riêng cái bậc Thánh Hiền thì lại khác. Các vị không muốn gắn liền cái này với cái kia. Các Ngài không muốn gắn liền con mắt với bất cứ một cái gì để nhìn, không muốn gắn liền lỗ tai với bất cứ gì để nghe.

Một cái người cô đơn ngoài hoang đảo hay rừng sâu núi cao, nói là không muốn gặp ai, nhưng mà họ cũng tìm cách họ ráp mắt của họ vào sắc, ráp lỗ tai vào thanh, mũi vào khí, lưỡi vào vị, và thân vào xúc, ý vào pháp. Liên tục họ kiếm chỗ họ ráp vào, bởi vì họ sợ lẻ loi. Cái cảm giác mà giữa rừng khuya mà ngồi nhìn cái đồng lửa cháy nó đã lắm, các vị có biết không? Đó là một kiểu ráp, một kiểu tìm bạn.

Ở đây Đức Thế Tôn Ngài dạy như thế này: trong tất cả cái mảnh đời đơn chiếc ấy, nếu mà có sự đơn chiếc, nếu mà có sự lẻ loi, thì cái sự lẻ loi đó không đáng được tán thán. Mà cái sự lẻ loi mà Ngài tán thán phải là cái sự lẻ loi, phải là cái sự độc hành của một người mà thành tựu được các cái điều kiện sau đây.

Tôi đánh một vòng lớn để tôi đưa các vị trở về bài kinh này. Chúng ta về bản chất ai cũng cô đơn lẻ loi, và lý tưởng cao nhất của Hiền Thánh ba đời mười phương chính là sự độc cư một mình. Tuy nhiên ở trong tất cả sự lẻ loi, trong tất cả sự cô đơn ấy, chỉ có một trường hợp duy nhất được gọi là độc cư theo cái tinh thần của Chánh Pháp, đó là một người thành tựu lý tưởng giải thoát.

Thành tựu bằng cách nào? Có nhiều cách. Tu tập hoàn mãn Tam Học cũng là hoàn tất. Tu tập Bát Chánh Đạo, Thất Giác Chi, Tứ Như Ý Túc, Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Ngũ Căn,

Ngũ Lực cũng gọi là hoàn mãn, nhưng mà ở đây Ngài không hề nhắc gì đến những cái thuật ngữ, những khái niệm ấy, mà Ngài lại nhắc đến những cái khía cạnh sau đây:

1. Panuṇṇapaccekasacca

Ngài Minh Châu dịch cái điều kiện đầu tiên này là “trừ khử sự thật cá nhân”, nghe nó rất là kỳ. Ở đây tôi tặng các vị một chữ: ở trong các phiền não của A-tỳ-đàm nó có một từ là idamsaccābhinivesa, tức là cái định kiến kiểu cố chấp cho rằng đây là sự thật, là chân lý duy nhất, ngoài ra là sai lầm, cũng là một thứ phiền não.

Thì ở đây chúng ta thấy trong cái bản kinh này có chữ panuṇṇapaccekasacco. Pacceka ở đây là cá nhân, panuṇṇa ở đây là tích góp. Panuṇṇapaccekasacco có nghĩa là những cái quan điểm, tri kiến mà mỗi người tích góp được rồi cho đó là chân lý. Thì như vậy, cái điều kiện đầu tiên để một vị hành giả đáng được gọi là người độc hành là biết lìa bỏ cái dị kiến cá nhân.

Để tôi nói cái này cho các vị để ý. Mình chưa biết Đạo, mình chỉ biết đi kiếm tiền, chỉ biết có mái ấm gia đình thì mình thấy quan điểm sống của mình là số một, đầu mình mở miệng ra mình khiêm tốn: “Em ít học lắm chị, em ít học lắm”, hoặc là: “Anh ít học lắm em”, “Chú ít học lắm cháu, ít lắm, chú chỉ biết làm ăn, nhà nghèo chú đi làm quần quật.” Nói nghe khiêm tốn, nhưng trong lòng của ông, ông thấy rằng cái lý tưởng sống của ông là hay. Ông thấy cách hiểu của ông về văn hóa, tôn giáo, chính trị, xã hội là hay, tại chẳng qua ông không có nói ra thôi.

Rồi từ từ, mai này cái người có bằng tú tài, rồi có bốn năm đại học, rồi có cái bằng thạc sĩ, cử nhân, tiến sĩ, bác sĩ, kỹ sư, luật sư gì đó, thì tùy thuộc vào cái hoàn cảnh của mỗi người, tùy vào cái học vị, tùy vào cái kiến thức, cái khả năng bẩm sinh mà mỗi người có tự hình thành một cái kiểu kiến chấp khác nhau. Ai cũng thấy mình hay hết.

Rồi từ từ chúng ta biết Đạo, chúng ta học Giáo lý, học ba mớ thì mình thấy mình giỏi hơn cái người không biết gì. Rồi khá hơn một chút thì mình thấy mình khá hơn cái người ba mớ. Rồi tới hồi mình khá hơn một chút nữa thì mình thấy là mình hay hơn

một số người. Khá hơn một chút nữa thì mình lại thấy mình hay hơn một số người khác.

Có nghĩa là ngày nào mà chưa có chứng quả Tu-đà-hườn thì chúng ta luôn luôn và luôn luôn chìm sâu, găm chặt ở trong những cái gọi là *paccekasacca*. *Pacceka* nghĩa là cá nhân, từng người, giống như *Pacceka*buddha có nghĩa là đắc Đạo một mình, đắc cá nhân, tự đắc, trên không thầy dưới không trò, gọi là *Pacceka*buddha. Còn ở đây, *paccekasacca* có nghĩa là cái quan điểm nhận thức mà mỗi người tích góp được trong đời, rồi bèn cho đó là số một. *Sacca* đây là chân lý, là số một.

Ở đây Ngài Minh Châu dịch là “trừ khử quan điểm cá nhân” thì nghe nó kỳ quá đi. Nhưng mà thiệt ra các chi pháp này rất là hay.

Cái vấn đề thứ nhất là chúng ta nên nhớ chúng ta đang đi trên đường, dầu đó là đường trầm luân sanh tử hay là đường Đạo. Đã nói đang đi trên đường có nghĩa là chưa đến đích. Mà nếu chưa đến đích thì chuyện gì cũng có thể xảy ra.

Cái chuyện đi trên đường mà mình tào lao, mình bị lạc đường, mình bị bệnh hoạn, mình bị lừa dối, mình bị cám dỗ, mình bị tai nạn, mình bị bắt trắc, bắt tường, tất thảy mọi sự ở đời nó hoàn toàn có thể xảy ra cho cái kẻ đang trên đường.

Mà nếu chúng ta chịu hiểu rằng mình đang trên đường thì cái gì cũng có thể xảy ra, thì chúng ta không có nên ghim sâu, găm chặt vào một thứ gì hết. Bởi vì đang trên đường, thích cái gì lắm thì cũng phải nhớ rằng nó trên đường mình phải vượt qua. Ghét nó lắm cũng phải nhớ rằng mình đang trên đường, nó cũng là cái sớm muộn gì phải ở lại sau lưng. Luôn luôn nhớ rằng mình đang trên đường. Thích cũng là một cách cưu mang, ghét cũng là một cách cưu mang. Thích hay ghét đều là cái để mà mình cưu mang trong lòng của mình hết.

Cho nên ở đây, cái chuyện đầu tiên, hành giả là người đang đi trên đường, là phải biết coi nhẹ cái nhận thức của mình, không cho nó là chân lý duy nhất. Coi nhẹ ở đây không phải là không trau dồi, mà trau dồi trong cái sự cảnh giác: hôm nay nó như vậy

nhưng mà ngày mai nó sẽ khác đi. Mọi thứ là vô thường mà. Trong cái bối cảnh này, trong cái không gian, trong cái điều kiện này thì ta hiểu như vậy. Nhưng mai này ở một hoàn cảnh khác, một cái bối cảnh khác, trong một cái điều kiện khác thì cũng vấn đề này ta lại hiểu khác đi!

Cho nên cái chuyện đầu tiên và quan trọng hàng đầu, bậc nhất ở trong cái cuộc tu, chính là có khả năng coi nhẹ cái nhận thức của mình. Hay ho cỡ nào đi nữa, nó cũng là thuộc về phàm phu. Và mình có biết được là mình đã thấy được đúng cái sự thật chưa? Chưa chắc!

Cho nên cái chuyện đầu tiên là mình tự mình thờ phụng cái quan điểm cá nhân của mình, đây là cái chuyện bậy bạ không tưởng tượng được. Và chúng ta nên nhớ cái này, tôi nói hoài: muốn lên lầu 10 thì anh phải biết coi nhẹ chín cái tầng dưới. Chứ còn nếu mà anh muốn lên tới lầu 10 mà anh mới lên tới lầu 1 là anh đã mê nó rồi, rồi anh vướng cái lầu 1 thì anh sao lên tới lầu 2? Rồi anh vượt qua được lầu 2, lầu 3 mà anh ôm cái lầu 4, anh nghĩ làm sao? Anh mê quá, anh nói có nhiều cái trò, nhiều cái quá vui, quá hấp dẫn, mình ở lì trên đó làm sao mà lên tới lầu 10?

Cho nên hể chúng ta còn đang trên đường, chưa đến đích, thì tất cả chỉ là của tạm. Nó chỉ là cái bè qua sông, chỉ là cái tấm vé tàu hay là vé máy bay mà thôi. Đi đến nơi rồi, đến ga rồi, đến phi trường rồi thì cái

Tấm vé đó nó còn là cái gì nữa!

Nhớ cái này quan trọng. Cho nên, cái chuyện đầu tiên, người mà đáng được gọi là viễn ly hay là độc cư phải là người biết chọn lựa hành lý và sẵn sàng bỏ lại những thứ không cần thiết. Ở đây là những quan điểm, nhận thức cá nhân mà mình đã một đời tích góp.

Cái đầu tiên là *panunnapaccekasacca* là như vậy đó: biết coi nhẹ quan điểm, nhận thức của mình, không để mình bị ghim sâu, găm chặt ở trong quan điểm, nhận thức cá nhân.

Còn ở trong bản tiếng Việt mình đọc vô nghe nó buồn quá: “Trừ khử sự thật cá nhân”, nghe kỳ quá!

Ở đây, Đức Phật Ngài mới đưa ra một cách đại khái những quan điểm triết học nổi bật nhất trong thời ấy. Ngài nói rằng có biết bao nhiêu người cũng nghĩ mình trí tuệ, nhưng mà cả đời cứ chìm sâu ở trong những quan điểm đó.

Trường hợp thứ hai là Tỳ-kheo từ bỏ các tầm cầu.

Tầm cầu ở đây là *esanā*. Bài Kinh này nó sâu không có tưởng tượng được. Tầm cầu ở đây gồm có ba:

1. *Kāmesanā*: Dục tầm cầu, có nghĩa là sự kiếm tìm cái để hưởng thụ trong năm dục.
2. *Bhavesanā*: Hữu tầm cầu, là lòng hướng tìm một không gian hiện hữu, tùy trình độ mà muốn về đâu.
3. *Brahmacariyesanā*: Đạo tầm cầu, là lòng hướng đến cứu cánh giải thoát.

Đó là ba cái tầm cầu. Ở trong đây mới nói thế này: A-na-hàm chấm dứt Dục tầm cầu, La-hán đạo thì chấm dứt Hữu tầm cầu, và khi đó cũng chấm dứt luôn cái Phạm hạnh tầm cầu, Đạo tầm cầu. Đó là một cách định nghĩa.

Cách thứ hai, trong cái gọi là Đạo tầm cầu lại có hai trường hợp:

Cầu giải thoát với tà kiến thì ở vị Sơ quả không còn nữa.

Cầu giải thoát với Chánh kiến thì đến A-na-hàm cũng còn, chỉ La-hán mới hết, vì đã đi đến đích, không còn gì để hướng đến nữa.

Cho nên ở đây Đức Phật Ngài nói, một người mà xứng đáng được gọi là độc cư là phải là người thành tựu được những điều kiện sau đây.

Thứ nhất là lìa bỏ được quan điểm, nhận thức cá nhân. Rất là khó. Có nghĩa là luôn luôn nhớ rõ rằng mình là hành giả. Hành là đi. Hành giả là hành nhân, là người đang

đi trên đường. Mà đã nói đang đi trên đường thì mình phải biết nghỉ ngơi con đường dưới chân coi nó có đúng hay không, thường xuyên kiểm soát coi con đường này nó dẫn về đâu, cái kiểu đi này của mình có hợp lý không, cái đôi dép, đôi giày dưới chân mình nó có vừa dưới chân hay không, hay đi hồi nó phồng, nó phồng rộp lên, nó tróc da rồi nó còn đau đớn nữa.

Cho nên phải coi con đường này dẫn về đâu, coi đôi giày, đôi dép của mình có thích hợp không, coi cái kiểu đi của mình nó hợp lý không, rồi coi hành lý trên lưng, trên ba lô của mình, cái mà mình đội trên đầu, gánh trên vai, cầm ở tay, coi nó có cần thiết hay không.

Bởi vì mình đang ở trên đường mà. Chính vì là người đi đường luôn luôn quan sát, kiểm soát như vậy thì tốc độ họ đi nó sẽ nhanh hơn. Biết bỏ đi cái không cần thiết, tốc độ đi nó nhanh hơn, vì cái kiểu đi đã được điều chỉnh, hành lý đã được chọn lựa, và con đường dưới chân cũng đã được xác định.

Thì chuyện đầu tiên tức là đối với quan điểm cá nhân, vị ấy cũng coi giống như là hành giả, người đi trên đường mà quan sát cái mà tôi vừa nói. Hành giả đang đi trên đường là cũng y chang như vậy, chứ còn mà thấy cái nào hay cũng vác lên, cái nào hay cũng vác lên.

Coi Kinh Tệ Túc, Trường Bộ, trong đó có nói, ngài Kumāra-Kassapa giảng cho vua Pāyāsi rằng, ngài giảng cái câu là: cầm vàng mà lội qua sông, vàng rơi không tiếc mà tiếc công cầm vàng.

Ngài kể một câu chuyện ẩn dụ: có hai người bạn đi tìm vàng. Nhưng mà đang đi như vậy đó thì họ thấy có một đồng rơm nó tốt quá đi. Cho nên họ mới nghĩ chắc có lúc mình sẽ xài trên đường, mình lượm nó, rồi tối nay biết đâu có chỗ nào mà cần nghỉ ngơi, mình trải rơm này ra mình nằm cũng ấm mà êm. Họ gánh.

Nhưng mà họ đang gánh một đống thì họ gặp nguyên một đồng bạc. Thì anh A nói: “Trời đất ơi, mình gánh rơm tính trên đường đi tìm vàng, mà bây giờ gặp bạc. Thôi

liệng cái đồng rơm, có cái đồng bạc này rồi, tối ngủ dưới sình cũng được.” Ảnh liệng cái gánh rơm đi, ảnh mới dồn hết bạc vào trong cái túi mà vừa sức của ảnh, ảnh mang đi.

Ảnh mới hỏi anh kia tại sao không liệng cái bó rơm. Anh chàng kia ảnh nói: “Dầu sao cái công tôi đã vác tới đây rồi, thì thôi đi tiếp.”

Đi một đôi nũa thì cái anh mà ôm cái túi bạc, ảnh gặp một đồng vàng. Ảnh mới liệng cái đồng bạc đó để ảnh đổi, ảnh lấy cái đồng vàng, bởi vì sức người có hạn, ảnh chỉ mang vác vừa với sức của ảnh thôi. Cái anh kia thì ảnh vẫn tiếp tục. Ảnh nói: “Nếu bỏ là bỏ hồi nãy, chứ còn mà đã đi đến đây, có nghĩa là cái công khó mà tôi gánh rơm nó quá nhiều đi.”

Thế là sau khi mà anh chàng kia ảnh tìm được vàng, ảnh đâu có muốn đi nữa. Ảnh nói: “Thôi bây giờ về nhà.” Thì anh chàng kia đi không có bạn thì ảnh cũng đành phải quay về.

Mà khi về tới làng xưa, xóm cũ, thì một anh là nguyên một cái túi vàng đầy, còn anh kia chỉ là một cái gánh rơm thôi.

Thì cái câu chuyện đó mình nghe mình có thể cười khì, mình nói: “Ai, cái thằng nào mà nó ngu dừ vậy?” Nhưng mà sự thật, tất cả chúng ta đều là cái thằng đó. Là sao? Có nghĩa là một đời này chúng ta đã lỡ hiểu cái vấn đề đó theo cái kiểu đó rồi, chúng ta ngại sửa nó lắm. Tôi nói thiệt, ngại lắm, ngại sửa.

Trong room tôi biết nhiều người họ cũng không tin, họ nói: “Ai mà ngu dừ vậy?” Dạ có, mình này chứ ai. Ngại lắm. Tức là mình đã hiểu vấn đề nó như...

Vậy rồi, hồi đó thầy bà nào đã nói như vậy mà mình thấy có lý, và mình đã thờ cái cách hiểu đó 20 năm rồi, bây giờ tự nhiên có một người đầu trọc nào đó chỉnh sửa mình, họ nói: “Cái đó sai, bây giờ sửa đi.” Chịu không nổi. Tôi nói thật, chịu không có nổi.

Một phần là tự ái, rồi một phần nữa mình cũng nghi nghi. Bởi vì phàm phu mà có cái này hay, rất là hay: thấy không rõ cái điều mình tin và tin không có chắc lắm cái điều mình thấy. Chính vì cái chỗ mà không thấy rõ cái điều mình tin, chính từ chỗ đó cho nên không có tin lắm cái điều mình thấy, cho nên cả đời nó cứ lửng lơ con cá vàng. Nó cứ buông không bỏ thì thương, mà vương thì tội. Cái này nó lớn chuyện lắm.

Cho nên mình đừng có tưởng cái câu: “Cầm vàng mà lội qua sông, vàng rơi không tiếc mà tiếc công cầm vàng” là cái câu của bây giờ. Mà thật ra cái câu đó đã có từ muôn thuở hồng hoang mông muội là người ta đã biết cái câu đó rồi. Bởi cái gì chứ cái ngu thì nó xưa lắm. Không có cái món cổ vật nào trên đời này nó lâu hơn cái ngu của mình hết trơn đó. Cứ buồn buồn mà thêm đồ cổ, cứ viết cái chữ “ngu” treo lên tường, đó là coi như nó xưa lắm rồi đó. Coi như mấy cái bức thư pháp của Vương Hi Chi là thuộc về rác.

Cho nên ở đây cái chuyện đầu tiên là biết lìa bỏ, biết coi nhẹ cái quan điểm cá nhân. Coi nhẹ đây không phải là mình không có cái lập trường phải có, nhưng mà luôn luôn biết, phải luôn biết nghi ngờ, phải luôn luôn ở trong cái tình trạng xét lại. Thấy nó hay, đúng, bữa nay mình học được cái đó hay đó, nhưng mà đừng bao giờ đại dột cho rằng đây là đỉnh cao, đây là chân lý duy nhất, là sai bét. Bởi vì tâm trạng, não trạng, thể trạng của chúng ta nó luôn luôn thay đổi liên tục và liên tục.

Cái điều thứ hai là biết lìa bỏ các cái tầm cầu. Tầm cầu ở đây là gì? Là dục tầm cầu, có nghĩa là chúng sanh trong đời này chia làm 3 cỡ:

Một, dục tầm cầu. Cỡ một sống chết buồn vui trong 5 dục: sắc, thanh, khí, vị, xúc. Đó là chúng sanh loại thấp nhất.

Hai, hữu tầm cầu. Còn có loại thứ hai thì nó biết chán dục, nhưng mà nó lại chìm đắm ở trong các cái cảnh thiên, nó mong được sanh về cõi này cõi kia.

Mà hôm nay các vị thấy, tất thấy những chúng sanh mà mình nhìn thấy, từ con mối, con ruồi, con giòi, con kiến, cho đến tất cả trí thức, giàu có, đại gia, tiểu gia gì đó, tất

thầy đều không có lọt khỏi cái lưới gọi là lưới tầm cầu. Có kẻ thì chỉ mong có tiền để ăn sung mặc sướng, ăn ngon mặc đẹp, nhà cao cửa rộng, mọi thứ vật chất sênh sang. Còn có kẻ thì hướng đến đời sống tâm linh.

Nhưng mà thật ra tôi nói không biết bao nhiêu lần, cái gọi là Phật tử thứ thiệt mà theo định nghĩa trong Kinh, Phật tử là con của Phật, biết chán sợ sanh tử, hướng đến Nípàn, thì không có nhiều lắm đâu quý vị. Đi chùa là để cầu phúc, đi chùa là để xin tránh họa, đi chùa là để khuây khỏa trong một cái thời điểm nhất định nào đó: buồn chuyện nhà, buồn chuyện tình, buồn chuyện làm ăn, buồn xã hội, buồn cái vân vân gì đó, bệnh hoạn hay cái gì đó, tuổi già quạnh hiu, làm sao đó mới là lết đến chùa, đến Tam Bảo; chứ còn tự đáy lòng của mình mà mình biết chán sợ sanh tử thì không có nhiều.

Và trong Kinh có cái chữ này rất là rùng rợn, đó là cái chữ gọi là paraloka-bhayadassāvī, có nghĩa là cái người biết ưu tư về cái đời sau kiếp khác. Cái số người này không có nhiều, cực hiếm. Từ Pāli, paraloka là kiếp sau, còn bhaya là sợ hãi, dassāvī là nhìn ngẫm. Paraloka-bhayadassāvī là cái người biết thấy sợ, biết ưu tư khi mà nghĩ về đời sau kiếp khác.

Nhiều người rất là đơn giản: “Ok, thì còn thì sống tới bốc thì thôi, kệ nó. Nó còn đầu thai thì tính tiếp. Còn hể nếu mà nó chết rồi là tan như làn khói, không để lại dấu vết thì thôi, có chết thẳng Tây nào đâu!”

Nhưng mà cái vấn đề nó không có đơn giản như vậy. Cái người mà có trí huệ, có cái đạo căn, họ không có nghĩ đơn giản như vậy, mà họ phải suy nghĩ: còn hay mất? Mình không có thần thông, không có trí huệ Thánh nhân để mình biết như các vị Thánh nhân, nhưng ít ra mình cũng phải tìm cho mình một câu trả lời chứ, tìm một câu trả lời theo cái trình độ của mình chứ! Mình phải có cái ưu tư về cái đời sau kiếp khác.

Chính vì có cái ưu tư này thì chúng ta mới thấy rằng cái chuyện đó là đầu sanh làm cái loài nào đi nữa, phước cái cỡ nào đi nữa, thì hết tuổi thọ nó lại tiếp tục nó lăn trôi đời này qua kiếp khác, từ cái thân này qua thân khác: một hồi làm vua, hồi làm giòi, hồi làm giòi, hồi làm vua. Mà các vị biết, từ con giòi mà lên đến ông vua nó lâu kinh khủng, chứ từ ông vua mà xuống tới con giòi chỉ có 3 giây hà. Chỉ cần lo hưởng thụ, không có tu tạo phước báu, là coi như là từ ông vua xuống con giòi chỉ có 3 giây thôi, các vị biết không? Khi nào tắt thở một cái là ổng xuống con giòi liền, xuống ngay cái hầm cầu liền! Mà từ cái hầm cầu mà trở lên làm người là nó lâu không có tả xiết!

Bởi vì sao? Vì trong Kinh Hiền Ngu, Trung Bộ, Phật dạy thế này: khi mà đã lọt xuống cái cảnh giới thấp rồi, chúng ta không có trí tuệ để mà hành thiện lánh ác, không có còn cái trí tuệ phân biệt được cái gì là phải trái thị phi, không còn biết cái gì là hiền trí Thánh nhân để mà thân cận, để mà lắng nghe, để mà hành trì, để mà học hỏi. Không có, hết!

Bây giờ hỏi làm con giòi, con kiến, con ruồi, là các vị tưởng tượng làm sao đây? Các vị biết, các nhà khoa học họ nói rằng đâu có phải loài nào nó cũng có cái khả năng mà nhận biết 3 chiều.

Không gian, các vị học vật lý còn nhớ không? Ba chiều không gian: ngang, dọc, chiều sâu. Có nghĩa là cái con nào mà nó đi bằng bốn chân thì nó không biết được ba chiều không gian như mình đâu. Mình có khái niệm về không gian khác với loài thú, nhớ cái đó.

Chỉ riêng về thế giới vật chất thôi đó, chưa kể là có những loài mà nó không có đủ năm giác quan, các vị có biết không? Nó chỉ sống bằng xúc giác thôi. Có những cái loài mà nó sống kêu là yếm khí, là cái loài mà sống ở sâu trong đất đá, thân gỗ, gọi là loài yếm khí. Cái loài này nó chưa hề biết gió mát, trăng thanh, rồi sương, rồi nắng, rồi mưa, rồi không khí kiểu như mình. Nó hoàn toàn nó không có biết. Gọi là loài yếm khí. Yếm là chán. Nó sống rút sâu vào trong đó. Cái loài đó nó chỉ sống bằng xúc giác thôi.

Thí dụ như con người mình có cả trăm tỷ neurons, tế bào não, nhưng mà cái con trùng nó chỉ có bảy cái neurons thôi, các vị có biết không? Tức là trời nóng thì nó chịu không nổi, nó mới bung cái người lên mặt đất, và nó cứ bò đại vậy đó. Nó cứ bò, nó tìm về chỗ mát trong gọi là mơ hồ như vậy đó.

Cho nên là đã lọt vô đó rồi là không có đường lên. Cho nên cái người mà có học Đạo người ta mới sợ. Sợ sanh tử là chỗ đó. Lọt vô làm cái con oyster, làm con hào, con ốc rồi là coi như cái cơ hội đi lên là ngàn trùng viễn xứ!

Cho nên ở đây, chúng sanh trong đời nó có nhiều cái kiểu tầm cầu. Cái kiểu thứ nhất là nó mong tìm cái để nó hưởng thụ. Nó mong nó tìm cái để nhìn, để nghe, để ngửi, để bỏ vô miệng, để sờ chạm êm ấm, mềm mịn, mát; đó gọi là thích cảnh xúc.

Còn cảnh pháp là gì? Thích suy tư chuyện này, thích suy tư chuyện kia, còn không nữa là thích ngồi thiền. Thích ngồi thiền cũng là một kiểu tầm cầu. Bởi vì sao? Vì thích trong dục sẽ đi về cõi dục, thích trong thiền sẽ đi về cõi thiền. Sống hết tuổi thọ rồi, từ cõi thiền ta bèn rơi trở về cõi dục. Và khi đã về cõi dục rồi thì đường đi sắp tới, đường đi trước mặt vô cùng bất trắc, khó lường. Phải nói như vậy!

Cứ là lâu lâu vậy đó, gặp được bạn lành, gặp được cái trú xứ thích hợp, tu tập thiền định, leo lên trên Phạm thiên năm ba mươi mấy bữa, rồi hết tuổi thọ rớt một cái đùng xuống tới đây. Cái cơ hội mà nhớ lại kiếp xưa để tiếp tục tu hành nó khó cực kỳ. Xuống tới đây rồi là coi như bạn xấu gọi là đông hơn quân Nguyên. Nó rủ đi sát sanh, trộm cắp gì đó một thời gian, bắt đầu đọa. Mà đã đọa rồi, cơ hội trở lên nó rất là khó.

Cho nên chúng sanh trong đời, Đức Phật Ngài dạy có nhiều tầm cầu là kiếm tìm. Chúng ta có nhiều cái kiếm tìm. Kiếm tìm cái hưởng thụ thì gọi là Dục tầm cầu, Kāmesanā. Cái kiếm tìm thứ hai là kiếm tìm cái cảnh giới để mà mình có mặt.

Có người thì muốn quay trở lại cõi dục để được có nhà cao cửa rộng, rồi được về sống ở cái xứ Âu Mỹ văn minh, có hồ nước trong xanh, có cái dãy núi tuyết xa xa

trắng toát, rồi có đàn cừu, đàn bò hiền gặm cỏ với cái tiếng chuông kêu leng keng trong buổi chiều vắng; phố xá thì bình yên, văn minh, lịch sự.

Có người thì muốn về một cái cõi trời nào đó, vàng bạc châu báu đầy khắp, bản thân mình thơm phức, mát lạnh, muốn bay đi đâu thì bay. Sớm chiều hai đứa tiên nam tiên nữ, Ngưu Lang Chức Nữ lúc bấy giờ không còn xa nhau nữa, không còn cần đến cái lũ quạ trọc đầu mà nó làm cầu ô thước. Lúc đó diu tay nhau mà bay đi khắp nơi trong vũ trụ, ghé tinh cầu này, ghé cái tinh cầu nọ, khoái cõi Dục thiên.

Rồi có kẻ thì chán ba cái vụ mà nắm tay nắm chân, khoái một mình, kiếm cái gốc cây ngồi lim dim hít ra, hít vào, thở ra đắc thiên về cõi Phạm thiên. Trên đó không có nam nữ tất thủy, trên đó không có vấn đề giới tính, chỉ biết ngồi thiền thôi. Cứ thấy nó mát lạnh, mát lạnh suốt hai mươi đại kiếp, năm mươi đại kiếp. Hết tuổi thọ nó rút một cái đùng xuống tới đây rồi cũng con đường xưa em đi, họ tiếp tục trở lại nữa.

Tôi nhắc lại, xuống tới đây mà gặp minh sư thiện hữu, theo tu thiên thì còn lò mò trở về cái Phạm cung thuở nào, mà cái chuyện đó hiếm cực kỳ. Đa phần lọt xuống đây rồi là gặp toàn là bạn xấu, nó đông như là quân Mông Cổ vậy đó. Nó xúi, nó rủ, nó giục, nó khuyên, nó dụ làm toàn là chuyện tầm bậy tầm bạ không. Nên cái đó được gọi là Hữu tầm cầu, có nghĩa là mỗi người có một cái kiểu mơ mộng về một cái không gian có mặt.

Đạo tầm cầu

Rồi cái thứ ba là sao? Kẻ chán hai thứ tầm cầu trước mới biết hướng đến cái kiểu tầm cầu thứ ba là biết nghĩ chuyện tu hành. Điều đáng ngại là có đến hai kiểu tu hành: tu bằng tà kiến và Chánh kiến. Trong đây gọi là *ditṭhibrahmacariyesanā*.

Tu bằng tà kiến là sao? Thấy sanh tử khổ quá, cái chỗ thấy này thì đúng, nhưng tới hồi tu mới sai. Bắt đầu mới thờ thần này thần kia, cúng thần lửa, rồi hạnh hỏa thế, rồi ăn uống kiêng khem khổ hạnh, rồi tự dày dọ thân xác, hoặc là đọc chú, hoặc là thờ

phụng những cái thứ thần linh quái gở nào đó, rồi theo đuổi những cái giáo lý không có cơ sở gì hết, không có trí tuệ dẫn đường. Nhớ, có cái loại đó.

Tức là cũng chán đời, cũng cầu giải thoát, nhưng mà đi lộn, cho nên cũng gọi là tầm cầu Phạm hạnh, cũng là cầu Đạo đó, nhưng mà cầu bằng cái tà kiến. Thì cái kiểu mà tu hành như vậy thì ở vị Tu-đà-hườn không còn nữa. Tu hành bằng tà kiến là sai trong hành trì và nhầm lẫn trong cứu cánh.

Tu bằng Chánh kiến là biết rõ thân sanh tử là giả tạm, do duyên mà có. Cái nào có mặt ở đời cũng đều là khổ. Biết vậy nên sống chánh niệm và trí tuệ,

Để không thương thích, ghét sợ cái gì nữa, cái đó là biết về tam tướng.

Còn biết về nghiệp báo: biết rõ vui nào cũng là quả của thiện, và nhân quả ấy đều vô ngã, vô thường. Biết rõ nỗi khổ niềm đau nào cũng là quả xấu của điều ác, nhân quả bất thiện ấy cũng đều vô ngã, vô thường.

Hành giả lánh ác làm thiện để hướng đến cái cứu cánh không còn thiện ác, buồn vui nữa. Tu vậy là tu bằng Chánh kiến. Tu mà với tinh thần này thì dầu có đắc thiền cũng không thấy mình hay, có thuộc lòng Tam Tạng Chú Giải cũng không thấy mình hay, là vì mình biết rất rõ là cái thiện này mà thuộc lòng Kinh điển, cái thiện mà đắc thiền, đắc định, cái thiện này nó sẽ đem lại cái quả lành, nhưng cả cái nhân và quả ấy đều là vô ngã, vô thường.

Hôm nay mình bất đắc dĩ là mình chưa là Thánh thì mình phải hành thiện lánh ác để mà vun bồi ba-la-mật, chỉ vậy thôi. Nhưng mà mình biết rất rõ cái chuyện hành thiện lánh ác ấy nó chỉ là cái chuyện mà uống thuốc chữa bệnh thôi. Chứ ở đây là chỉ có sự tu tập, chứ không có cái đứa nào tu tập hết, bởi vì mọi thứ là đồ lấp rấp mà!

Và cái người không có cái hiểu biết này cứ một là chìm sâu trong 5 dục, chỉ biết hưởng thụ chứ không tìm ra lối ra, không tìm được lối ra. Thứ hai, giả sử mà may mắn mà tìm được Chánh Pháp để tu hành, thì tu được ba mớ thì tự đắc, có được chút

đỉnh là tự đắc. Vì sao? Vì họ không có hiểu rốt ráo bằng cái Chánh kiến. Cho nên cũng là Phạm hạnh tầm cầu, nhưng mà Phạm hạnh này đi với tà kiến.

Còn cái Phạm hạnh mà Chánh kiến có nghĩa là vẫn hành thiện lánh ác, nhưng mà hướng đến cái mục đích là sau này không còn thiện ác, buồn vui nữa. Buồn vui là quả của thiện ác, mà thiện ác là nhân của buồn vui. Mà bây giờ mình hành thiện lánh ác để mai một không còn hai cái cặp nhân quả đó nữa. Nhớ cái này quan trọng lắm.

Và chưa hết, tu bằng Chánh kiến là luôn hiểu rằng thiện phải làm, nhưng quả thiện thì không nên đam mê. Biết rằng điều ác phải tránh, nhưng mà không nên để mình bị bận tâm vì cái quả khổ của ác.

Tôi ví dụ là hồi đó tôi không có bố thí, cho nên bây giờ tôi nghèo dữ lắm. Nhưng mà tôi không nên lấy cái nghèo đó làm quan trọng để rồi tôi đi lật lọng, lừa đảo, lừa lẹo, sát sanh, trộm cắp để mà kiếm tiền sống. Nghèo là ok, cái này là do hồi đó mình không bố thí, chỉ vậy thôi.

Cho nên điều ác thì nên tránh, đúng, nhưng mà cũng không có nên bận tâm đến cái quả của ác, cái đó nó đã lỡ rồi. Còn phàm phu luôn hưởng quả lành bằng tâm tham, mà chịu cái quả xấu bằng tâm sân. Nó ác như vậy đó! Phàm phu là như vậy đó!

Bây giờ có chút nhan sắc, có chút tiền bạc, có chút sức khỏe, có chút tiếng tăm, có chút gì đó v.v... là hễ cứ có chút là nó điên lên, nó mê ở trong đó, nó hưởng bằng tâm tham. Mà trong khi nó không biết rằng cái mà nó được là có từ cái việc thiện. Mà bây giờ khi nó được hưởng cái quả lành thì nó chớ có nghĩ đến chuyện trồng cây mới, mà nó lo nó hái, nó vật cho sạch.

Còn nói về cái quả ác, ngày xưa lúc mà nó tạo cái nhân ác thì nó không có ngán thẳng nào hết đó, cỡ nào nó cũng chơi cho chết luôn. Nó ác tận cùng bằng số, chơi cho nó đã, hại người cho chết cả họ. Mà tới hồi mà cái quả nó trở thì năm đó mà kêu trời. Đó là phàm phu mình đó! Thiện thì lười làm, mà tới hồi hưởng quả thiện thì coi như

không biết trời đất gì hết. Còn ác thì không có chịu tránh, mà tới hồi mà lãnh quả ác thì há họng kêu trời.

Dục tầm cầu, Hữu tầm cầu, Phạm hạnh tầm cầu

Cho nên ở đây là Dục tầm cầu là đam mê ở trong 5 dục, cái đó thì phải tránh đúng rồi. Rồi Hữu tầm cầu là đam mê hoặc là kiếm tìm cái thế giới hiện hữu, tức là mình được về cõi này cõi kia. Còn cái thứ ba là Phạm hạnh tầm cầu, có nghĩa là lòng hướng đến cái giải thoát, nhưng mà nó lại có hai đường.

Một là tu kiểu tà kiến, có nghĩa là chuyện đầu tiên họ không có thấy đời là khổ, hoặc là thấy mà thấy chưa có rõ, cho nên họ còn mong sanh về cõi này cõi nọ. Cho nên sai lầm trong đường lối và ngộ nhận trong cứu cánh. Tu hành mà tà kiến là như vậy.

Còn tu bằng Chánh kiến có nghĩa là biết rất rõ vì đâu mà mình tu, mà tu là cái gì, biết rất rõ. Thì cái đó gọi là Phạm hạnh tầm cầu mà đúng đường.

Tu-đà-hườn không còn Phạm hạnh tầm cầu kiểu tà kiến. La-hán bỏ luôn kiểu tầm cầu Phạm hạnh Chánh kiến, vì Ngài đã đến đích. Cái này quan trọng.

Tu-đà-hườn và tu đa quởn

Nói đến Tu-đà-hườn tôi mới nhớ, hôm nay ở trong cái pháp hội của mình nói riêng và Phật tử Việt Nam nói chung, nó có hai tình huống. Tôi nói hoài, ngày xưa Phật đi hoằng pháp, Phật phải đối diện với rất nhiều đối tượng chống phá, đó là Bà-la-môn. Còn hôm nay chúng ta là những người đi hoằng pháp là phải đối phó, đối diện với cái đám gọi là bà lá môn.

Bà lá môn có nghĩa là nó nghe nó không thềm hiểu, nó giống như nước đổ lá môn vậy đó. Nhưng mà chưa hết, khi mà nó vào Đạo mà bằng cái tâm hồn bà lá môn thì thay vì đắc Tu-đà-hườn, nó lại đắc tu đa quởn.

Tu-đà-hườn là cái người mà diệt trừ được thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, và chỉ còn tái sanh nhiều lắm là 7 kiếp. Đó là Tu-đà-hườn.

Còn tu đa quởn có nghĩa là nó rất rảnh, nó rảnh vô cùng, nó quởn đó. Rảnh là quởn đó, kêu là tu đa quởn. Thì trong cái pháp hội này của mình là mình thấy tu đa quởn rất là nhiều.

Coi như đó là trong từng hơi thở, thật ra chúng ta không có đủ thời gian, không đủ lý do để hoang phí một cái hơi thở, một phút giây nào hết. Thì như vậy bản thân mình tu cho mình là đã

Không có thời gian rồi, thì làm sao mình có thời gian mà mình nghĩ cái chuyện gì ngoài ra? Nhưng mà chính vì chúng ta còn Dục tâm cầu, còn Hữu tâm cầu, còn có cái tà kiến Phạm hạnh tâm cầu, cho nên chúng ta rất là quởn.

Cho nên trước mắt thì chúng ta chưa có đắc Tu-đà-hoàn thiết, nhưng mà đa phần trong đây đều là Tu-đà-quởn hết đó. Ở trong Nam Bộ thì kêu là quởn, nhưng mà ở ngoài Bắc nó kêu là rảnh, Anh kêu là free, Đức kêu là frei.

Trong Kinh Tương Ưng, Đức Phật Ngài dạy cái người mà hiểu Đạo là người luôn thấy sanh tử phiền não trên đầu của mình nó nóng bức, nó cháy đỏ. Vị ấy tu tập với cái sự khẩn trương của một người mà đang dập lửa trên đầu. Lửa nó cháy trên đầu tóc mình thì mình không thể nào mà ầu ơ. Nhưng mà vì chúng ta là Tu-đà-quởn cho nên chúng ta hoàn toàn có nhiều thời gian.

Khi mình chưa là Thánh thì mình còn có cái lòng cầu giải thoát. Khi mà đến chứng Thánh rồi còn muốn cái gì nữa, vị đó còn muốn cái gì nữa? Cho nên trong Chú Giải mới nói rõ: khi chứng La-hán rồi thì tất cả mọi tâm cầu không còn nữa, kể cả cái tâm cầu bằng Chánh kiến. Không phải là coi thường nó, nhưng mà vì vị đó hết chuyện để làm rồi! Cho nên gọi là chấm dứt tâm cầu.

Trong Kinh nói có ba hạng chúng sanh:

- Cái hạng thứ nhất là không còn hy vọng.
- Hạng thứ hai là có hy vọng.
- Hạng thứ ba là không thêm hy vọng.

Xem Kinh Phúng Tụng và Thập Thượng - Trường Bộ.

Người không còn hy vọng là cái người ác quá, vô minh, tà kiến, tham ái đầy đủ. Cái hạng này Đức Phật Ngài dùng một hình ảnh hơi nặng, Ngài nói cái hạng này giống như cái người mà bị nhúng nguyên con ở trong cái hố phân.

Ngài nói rằng nếu mà họ bị đạp phân mà đến cái mắt cá, Ngài còn cứu được. Họ lọt vô cái hố phân mà ngập đến đầu gối, Ngài còn cứu được. Tới thắt lưng, Ngài cứu được. Tới ngực, tới cổ, Ngài còn cứu được. Nó ngập tới lỗ mũi, Ngài còn cứu được. Nó ngập hết người, nó còn có búi tóc, Ngài còn cứu được. Thậm chí nó ló lên một vài cọng tóc, Ngài biết chỗ ở đâu, Ngài kéo lên Ngài cứu được.

Nhưng mà Ngài nói có những người họ đã lọt xuống hố phân quá sâu, sâu đến mức không còn có chỗ nào để Ngài nắm Ngài kéo lên. Trong Kinh có cái ví dụ đó, có cái câu chuyện đó.

Thì ở đây cũng vậy. Có rất là nhiều người là họ tà kiến, vô minh, tham ái đến mức mà coi như không có đường lên.

Như có một lần Ngài Maha Ca-diếp ngồi thiền ở trong cái hang động. Lúc xả thiền, Ngài mới nhìn thấy cái bày dơ trước mặt Ngài. Vì cái lòng đại bi, Ngài mới nghĩ: nó làm dơ bao lâu rồi ta? Thì Ngài thấy đã 500 kiếp nó làm dơ rồi.

Rồi Ngài vì lòng đại bi, Ngài thương, Ngài nói: như vậy thì chừng nào nó hết làm dơ ta? Thì Ngài thấy 500 kiếp nữa nó vẫn tiếp tục làm dơ!

Thì lúc đó Đức Thế Tôn từ xa Ngài biết được chuyện đó. Với thần thông của một vị Phật, Ngài xuất hiện trước mặt Ngài Ca-diếp, Ngài nói rằng:

- Cái chuyện mà truy tìm về quá khứ, tương lai như vậy đó là nó nằm ngoài cái khả năng một Thỉnh Văn.

Ngài nói là một vị Thỉnh Văn, cái khả năng mà soi rọi rất là hạn chế. Cái câu chuyện đó không phải để nói Đức Phật Ngài giỏi, Ngài hay, không phải, nhưng mà để thấy ra cái sự rùng rợn của kiếp luân hồi. Phải đến cái trí tuệ của vị Chánh Đẳng Chánh Giác kia, chứ còn hàng Thỉnh Văn, Độc Giác là không có được, phải nói như vậy.

Cho nên là ở đây, cái hạng đầu tiên là cái hạng gọi là không còn hy vọng, vô vọng, không có cửa đi lên, lâu lắm.

Bên Bắc Tông họ có cái từ kêu là icchantika, có nghĩa là nhất xiển đề. Iccha là hy vọng hay là ước muốn. Anta ở đây có nghĩa là điểm cuối, chỗ kết thúc. Ở trong tiếng Anh, Đức là end, hay như vậy đó. Cả Anh, Đức đều the end hết.

Mà tại sao tôi đem cái chữ đó ra ở đây tôi nói? Là bởi vì nó lạ một chỗ là tiếng Pāli là anta, còn tiếng kia là end, có nghĩa là chỗ kết thúc, nó tương đương như vậy. Icchantika có nghĩa là cái người mà đã hết rồi, là mút cột cờ rồi. Cho nên icchantika là coi như là cái người hết hy vọng rồi.

Thì ở đây chúng sanh trong đời cũng có ba hạng.

Hạng một là hạng hết hy vọng rồi, có nghĩa là tội đội tà kiến, phiền não quá nhiều, nhân xấu quá nhiều, tức là hạng hết hy vọng.

Cái hạng thứ hai là hạng còn hy vọng, có nghĩa là hạng biết tu hành, thì gọi là hạng còn hy vọng.

Còn cái bậc Thánh thì được gọi là cái vị không thêm hy vọng.

Phân biệt ba cái này. Cái hạng thứ nhất là hết hy vọng, tức là hết thuốc chữa. Còn cái hạng thứ ba là không thêm hy vọng, tiếng Pāli là nirāsa, là không thêm hy vọng.

3. Điều kiện thứ ba để mình được gọi là người Độc cư, để xứng danh với cái chữ Độc cư là thành tựu thiền định

Tại sao vậy? Người không có thiền định suốt ngày và suốt đời luôn chạy theo vô số ngoại trần, không lúc nào mà rảnh tay. Còn người có thiền thì suốt ngày và suốt đời chỉ biết đến những gì xảy ra bên trong mình thôi. Đó là lý do tại sao cái người thiền định được gọi là cái người Độc cư, họ xứng đáng được gọi là Độc cư.

Cái người mà không có thiền là suốt một ngày, Đức Phật Ngài dạy rằng, giả dụ như mà mình đem cá, đem chim, đem rắn rít, chồn cáo, mình nhốt nó vào một chỗ, thì:

“Này các Tỳ-kheo, con cá nó cứ chờ có cơ hội là nó về nước, chim nó có cơ hội là bay lên trời, chồn cáo về hang, mà rắn rít thì nó chui vô lùm bụi.”

Coi như là mấy cái con này nó cứ chực chờ cơ hội để nó vọt. Cũng vậy, Ngài nói rằng sáu căn của mình luôn luôn nó cứ chầu chực cái cơ hội để nó làm việc, kể cả lúc ta

Đã ngồi yên, nhắm mắt trong thiền viện, ta lim dim, gọi là bặt môi, nhắm mắt, nhắm khít cái mắt giống như mình đang gọi là chia tay thế giới. Nhưng mà không đâu, lỗ tai của các vị lúc đó nó cũng đang ở trong cái tình trạng lắng nghe, và con mắt của các vị nó cũng đang chực chờ để nó mở ra.

Thí dụ như bây giờ, mũi các vị chỉ cần mình buổi chiều Bát quan không ăn, mình đang ngồi mà được nghe đĩa nào ở dưới nó chiên trứng để cái xèo một cái, là trên đây lỗ mũi nó làm việc liền hà, các vị biết không? Phải nhìn nhận. Mà nhất là cái bánh xèo đó, thiền viện mà ai mà chiên bánh xèo gần thiền viện buổi chiều là cái thọ coi như bủn rủn một cách tệ tội, thoát mồ hôi lười. Là vì cái mùi bánh xèo mà nó bay vô thiền viện thì coi như nó giết chết bao nhiêu anh hùng hào kiệt mà đang tọa thiền ở trong đó, các vị biết không?

Cho nên là 6 căn của mình là coi như nó ở trong một cái tình trạng gọi là tổng động viên, tổng trừ bị. Các anh coi như là sẵn sàng lên đường, gọi là súng ống sẵn sàng,

gọi là xếp bút nghiên lo việc binh đao.

Cho nên chỉ có cái ông thầy mà coi như là tu thiền thì mới đúng là độc cư. Là vì sao? Vì kể từ nay, 5 cái căn kia là cho nó về hưu hết đó. Đối với họ là coi như họ chỉ còn có cái hít vào thở ra, chỉ còn có cái đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng thôi, chớ họ còn cóc biết cái gì ngoài ra nữa hết đó. Họ có thể gọi là tự biết mình với riêng mình, và ta biết riêng ta. Ta là họ đó, tức là cái người mà thiền đó, nó đủ tư cách để mà nói cái câu là: “Tôi sống một mình”.

Cho nên ở đây Ngài mới đưa ra, Ngài nói cái điều kiện mà để gọi là một mình là phải có thiền. Mà ở đây Ngài còn nói thẳng luôn nữa, đó là thiền thứ tư. Là vì sao, tại sao Ngài lựa cái thiền thứ tư?

Tại vì cái thứ tư nó hay là hay chỗ này: 5 chi thiền nó ứng với 5 triền cái, là chuyện thứ nhất. Chuyện thứ hai, khi mà đắc sơ thiền, anh không còn 5 triền cái. Chuyện đó là ai cũng biết rồi. Nhưng mà có vụ này mới rùng rợn: đắc tam thiền không còn hỷ nhưng còn lạc; đắc tứ thiền thì không còn lạc, nên đương nhiên cũng không còn khổ. Không còn hỷ lạc thì cũng không còn khổ ưu. Như A-na-hàm không còn dục ái thì cũng mất hẳn sân hận, bởi vì đó là một cặp. Nói chung là hễ không còn thích thì không còn ghét, mà không còn ghét thì không còn khổ.

Cho nên đó là cái tứ thiền, là một người coi như đúng là lẻ loi, đúng là độc cư, có nghĩa là không còn bị kẹt ở trong cái thích và ghét nữa. Vị đó chỉ còn tâm xả thôi, chỉ còn lại một thọ duy nhất, chỉ sống với một cái cảm giác duy nhất là sự hững hờ, lãnh đạm.

Còn mình thì sao? Mình nói mình cô đơn nhưng mà lúc mắt làm việc, tai làm việc, mũi làm việc, cái đầu làm việc. Khi cái đầu mình làm việc thì lúc đó mình có chắc là mình đang cô đơn không? Chưa chắc. Tôi ở một mình mà tôi nhớ tùm lum hết. Như vậy trong tim tôi lúc đó có bao nhiêu người các vị có biết không?

Có ai trong chúng ta mà lại không là Tỷ Can, quý vị? Có ai trong đám này mà không phải là Tỷ Can? Tỷ Can có tim 6 lỗ, chứ mình ở đây mình biết bao nhiêu lỗ! Bởi vì nó ra vô, ra vô nhiều quá cho nên nó mới có tình trạng là trúng gió. Lỗ tim nó mới trúng gió. Mà mình trúng gió nhiều quá, người ta kêu là cái đồ phải gió đó.

Bây giờ nói cô đơn nhưng mà mắt, tai, mũi, lưỡi nó làm việc liên tục. Tuy sống một mình nhưng mà lỗ mũi anh còn nghe cái mùi dầu thơm để anh nhớ về một người nào đó. Anh nhớ về một mái tóc, một ánh mắt nào đó, một bàn tay, một bờ vai nào đó, một dáng đi, một nụ cười, một tiếng hát nào đó. Tuy anh ở một mình nhưng mà anh có cô đơn hay không? Không! Thậm chí mình không mê gái mê trai, mình ít ra mình cũng còn nhớ bà Tư bán xôi đầu hẻm, bà Tám bán chè ở cuối đường.

Cho nên chỉ có cái người mà đặc thiên mới thật sự là lẻ loi. Là bởi vì sao? Là bởi vì họ không còn thích, không còn ghét, không còn vui cũng không còn buồn. Họ chỉ còn sống với một cái đề mục của họ, và chỉ có một cảm thọ duy nhất, đó là xả thọ. Cái người này mới đủ cái tư cách, mới đủ cái thẩm quyền để gọi là sống một mình.

4. Cái điều kiện cuối cùng là chứng La-hán, điểm đến cô đơn nhất hành tinh.

Là nếu chỉ đặc tứ thiên thì mai sau cũng còn có dịp quay lại với bao thứ bầy đàn. Có nghĩa là bây giờ tôi đặc tứ thiên, đúng, tôi sống rất là lẻ loi, tôi một cỏi đi về. Rồi tôi về Phạm thiên, tôi cũng sống chung với mấy vị trên đó. Đúng, thì thôi, mỗi vị Phạm thiên cũng là một cỏi đi về. Nhưng mà hết tuổi thọ, tôi rớt một cái đùng xuống là tiếp tục tôi cũng là sắc, thanh, khí, vị, xúc, cũng yêu đương, nhưng nhớ, ghen tuông, ốt bột, dao lam, y như cũ.

Riêng vị La-hán thì không. Một khi mà đã chứng La-hán rồi thì cái quả vị đó được xem là điểm đến cô đơn nhất vũ trụ. Là vì sao?

Thứ nhất, vị này không còn tái sinh nữa, không còn chỗ nào để đi nữa, gọi là cùng căn mật kiếp.

Thứ hai là trong lòng vị này không còn cái gì mà để vương vấn nữa, mà một cách tuyệt đối.

Còn cái vị mà đặc tứ thiền, đúng, vị đó không còn khổ, không còn lạc, đúng, nhưng mà vị đó còn thiền để mà vị đó thích. Lẽ loi thiệt, nhưng mà vị đó còn có cái để vị đó thích, đó là thích thiền.

Nhưng mà riêng vị La-hán thì hết. Vị La-hán không còn cái gì, kể cả cái quả vị của Ngài, Ngài cũng coi đó là cái tình trạng hết bệnh sau vô số kiếp trọng bệnh. Ngài nhìn cái quả vị của Ngài bằng cái tâm trạng như vậy.

Kinh nói chớ.

Không phải là tôi nói, Kinh nói. Ngài nhìn cái quả vị của Ngài giống như người ta quan sát cái tình trạng hết bệnh vậy đó. Ngài coi bây giờ nó chỉ là giây phút hết bệnh sau bao nhiêu gọi là triệu tỷ ức mắc trọng bệnh, bây giờ nó hết bệnh, vậy thôi!

Lâu nay mình bị bệnh trĩ, ngồi đâu máu tùm lum, trĩ ngoại. Bây giờ cắt rồi, bây giờ muốn làm gì làm, gặp ớt thì ăn thả giàn, thả cánh, không có sợ nữa. Hồi đó giờ mình bị bao tử, bây giờ mình hết bao tử. Hồi đó giờ mình bị tim. Hồi đó giờ mình bị gan, bây giờ nó hết rồi, vậy thôi, chứ không có cái gì để mà gọi là nữa.

Cho nên tôi nhắc lại: một là về bản chất, đúng là chúng ta đều cô đơn, nhưng có mấy ai chịu thấy rằng mình cô đơn. Cho nên về bản chất, tất cả chúng sanh đều cô đơn.

Và điều thứ hai, lý tưởng của tất cả Thánh Hiền trên đời rốt ráo nhất vẫn là được sống một mình. Nhưng mà cái một mình này nó không giống với cái kiểu cô đơn ở câu một.

Tôi nói lại: câu một, bản chất rốt ráo của muôn loài là cô đơn. Điều thứ hai, cứu cánh cao nhất của tất cả Thánh Hiền đều là để được sống một mình. Cái một mình này nó không phải là cô đơn. Bởi vì cô đơn là gì? Cô đơn là muốn có bạn mà không được mới gọi là cô đơn.

Kể cả trường hợp có người trong room này nhảy đồng lên nói: “Không, tôi đâu có muốn.” Nhưng mà không phải, thật sự các vị muốn. Muốn đây có nghĩa là gì? Muốn đây có nghĩa là nếu có một người vừa ý là các vị sáp vô ngay.

Biết bao nhiêu lần tôi cũng muốn cô đơn, nhưng mà tự nhiên ở trên trời nó rớt xuống một cái danh sắc nào đó thấy được được, thì nó cũng ráp. Mà nó ráp được mấy bữa nó phiền quá đi. Có đứa nó hợp nhãn mà nó không có hợp nhĩ, mà có đứa hợp nhĩ mà nó không có hợp tỷ, hợp thiệt. Cho nên là cuối cùng gặp cái thứ hợp thiệt mới được.

Cho nên chỉ có cái tầng cuối cùng là quả vị La-hán, đúng là thiên hạ đệ nhất cô đơn. Cái quả vị đó chính là cái điểm đến cô đơn nhất trong vũ trụ. Là vì sao? Là vì chỉ cần dứt hơi tắt thở là Ngài không còn chỗ để đi. Và ngay bây giờ trong lòng Ngài không còn có một chúng sanh nào để Ngài ghét, Ngài thương mà có thể trú ngụ trong đó.

Ngài đại bi là vì: “Tụi bây khổ hơn Ta, tụi bây còn sanh tử, không được vô sanh như Ta.” Ngài chỉ nghĩ đến đó rồi thì thôi, Ngài đẩy nó ra. Ngài tiếp tục, Ngài vẫn đi đứng nằm ngồi bằng chánh niệm và chờ cái duyên đến. Trái chín sẽ rụng, chỉ vậy thôi.